

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DSPT

Ngày: 29 - 11 - 2019.

V/v: Tranh chấp đất đai theo quy định
của pháp luật về đất đai .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Lương

Các Thẩm phán: Ông Tạ Văn Vinh

Ông Nguyễn Tử Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: Ông Phạm Hữu Hải, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DSST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2019/QĐPT ngày 20 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Văn N, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Xóm 1, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Xóm 1, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Mai Thị L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Xóm 1, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

3.2. Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Xóm 1, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của chị S: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1962; Địa chỉ: Xóm 1, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/01/2019).

3.3. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn 8, xã TL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của anh C: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1962; Địa chỉ: Xóm 1, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/3/2019)

3.4. Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh D – Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T – Chức vụ: Công chức địa chính xã V (văn bản ủy quyền ngày 13/8/2019).

Tại phiên tòa, có mặt anh Q, chị L, anh N; vắng mặt anh C, chị S, ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2019 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Vũ Văn N trình bày:

Năm 2004, ông Phạm Văn Đ có chuyển nhượng cho anh N 01 thổ đất có diện tích 1.500m² tại thửa 579 tờ bản đồ số 01 xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vị trí, kích thước thửa đất như sau: Phía Đông giáp thổ ông H, bà M dài 47,6m; phía Nam giáp ruộng lúa dài 31,5m; phía Tây giáp đất trồng lúa dài 47,6m; phía Bắc giáp đường đi dài 31,5m. Trên đất có 01 nhà cấp bốn 5 gian, phía trước nhà có ao, phía sau nhà có vườn và 01 cái hũng rộng khoảng 06m dài khoảng hơn 30m. Anh N và ông Đ mới chỉ viết giấy chứ chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Năm 2013, gia đình anh N mới đi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BL 706617 ngày 21/10/2013 mang tên Vũ Văn N, Mai Thị L. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất công nhận gia đình anh được sử dụng 1.500m² đất theo sơ đồ mô tả trong Giấy chứng nhận có cạnh phía Bắc giáp đường dong phù hợp với sơ đồ thửa đất được mô tả trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sơ đồ địa chính xã quản lý.

Trong thời gian gia đình anh N chưa làm thủ tục cấp GCNQSDĐ từ năm 2004 đến năm 2013 thì cái hũng rộng 6m dài hơn 30m nêu trên do ông Hoàng Văn B sử dụng thả rau muống. Năm 2014, do có nhu cầu sử dụng gia đình anh N cải tạo ao phía trước và hút cát từ ao này vào cái hũng sau nhà giáp đường dong thì anh Hoàng Văn Q, con trai ông B, ngăn cản không cho gia đình anh N làm. Anh Q cho rằng phần đất này thuộc quyền sử dụng của gia đình anh Q. Khi anh N hút cát vào đây

cái hũng thì anh Q tự ý trồng cỏ voi lên phần đất này. Từ đó xảy ra tranh chấp giữa 2 gia đình. Sự việc đã nhiều lần được giải quyết tại cấp cơ sở nhưng không có kết quả.

Nay anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Hoàng Văn Q phải trả lại cho gia đình anh N phần đất anh Q đang sử dụng trái phép có diện tích 239,12m², vị trí giáp đường dọc, kích thước các cạnh: Phía Bắc dài 34,16m, phía Nam dài 34,16m, phía Đông dài 7m, phía Tây dài 7m. Đồng thời buộc anh Q phải bồi thường thiệt hại cho gia đình anh N số tiền 13.500.000 đồng do không được sử dụng mảnh đất đó từ ngày 21/1/2013 đến tháng 01/2019.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2019 và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn Q trình bày:

Từ năm 1960, bố đẻ anh Q là ông Hoàng Văn B sử dụng toàn bộ diện tích cái hũng đang tranh chấp để thả cá. Đến khoảng trước năm 1993, ông B chia phần diện tích đất có cái hũng này cho anh trai anh Q là anh Hoàng Văn C và anh C đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm cả diện tích cái hũng đang tranh chấp. Khi anh C chuyển vào Lâm Đồng sinh sống đã ủy quyền cho anh trông coi, sử dụng toàn bộ diện tích đất mang tên anh C trong đó có cả phần diện tích cái hũng này. Vị trí thổ đất anh C giao cho anh quản lý, sử dụng cụ thể là: Phía Nam giáp thổ ông C1 (nay là anh N); phía Đông giáp thổ ông Vũ Văn A; phía Bắc giáp thổ ông Hoàng Văn B và ông Hoàng Văn T1; phía Tây giáp đất 2 lúa.

Trước năm 2012, gia đình anh Q chưa có lối đi riêng, phải sử dụng ngõ phía Bắc ở sau nhà đi qua sân nhà ông B, anh C để ra đường công cộng. Năm 2012 khi có chương trình làm đường giao thông nông thôn, anh Q xin phép ông B và anh C mở đường đi vào nhà mình từ giáp ngõ nhà ông B đến ngõ nhà anh Q như hiện nay, cắt ngang phần đất hũng ông B cho anh C. Khi làm đường bê tông Ủy ban nhân dân xã V yêu cầu phải đủ 3m mặt đường mới cấp xi măng nên bố con anh Q đã phải hiến đất thổ, kê cạp cọc tre tính từ mép đường bê tông hiện nay lên phía Nam và đổ hàng trăm m³ đất để có đủ 3m mặt. Do vậy, phần đất tính từ mép đường bê tông hiện nay dịch lên phía Nam 3,7m là đất của gia đình anh Q.

Sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện K và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/8/2019, anh Q thay đổi ý kiến cho rằng phần đất tranh chấp hiện nay là do gia đình anh Q quản lý, sử dụng từ năm 1982 đến nay. Trong quá trình sử dụng, gia đình ông Đỗ Như C1, gia đình ông Phạm Văn Đ là chủ sử dụng đất trước đây sau đó đã chuyển nhượng và thông báo cho anh N biết và hàng xóm xung quanh đều biết việc đó. Diện tích đất nhà anh N qua các lần chuyển nhượng từ ông C1 sang ông Đ, từ ông Đ sang anh N đều không thay đổi là 1.500 m². Theo bản đồ để cấp GCNQSDĐ năm 1997 thì cạnh phía Nam thổ anh N, cạnh Bắc

thổ ông Long, cạnh Bắc thổ ông N1 là 1 đường thẳng. Nhưng đến năm 2012 thì cạnh phía Nam của thổ anh N lại dịch chuyển lùi về phía Bắc không đúng như bản đồ 1997. Như vậy, anh N nhận lùi mốc giới để chiếm phần đất hũng. Diện tích hũng này không thuộc quyền sử dụng của gia đình anh Q, cũng không thuộc quyền sử dụng của gia đình anh N còn của ai thì anh Q không biết.

Tại các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Mai Thị L trình bày:

Chị L là vợ của anh Vũ Văn N, nguyên đơn trong vụ án. Chị L nhất trí quan điểm như anh Nam đã trình bày.

Tại các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Hoàng Thị S trình bày:

Chị S là vợ của anh Hoàng Văn Q, bị đơn trong vụ án. Chị S nhất trí quan điểm như anh Q đã trình bày.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình do người đại diện theo ủy quyền là anh Phạm Văn T, công chức địa chính xã V trình bày:

Tại báo cáo số 55 ngày 04/6/2019, UBND xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình xác định diện tích đất đang tranh chấp giữa gia đình anh N và gia đình anh Q hiện nay do UBND xã V quản lý, Nhà nước chưa giao quyền sử dụng đất diện tích đất này cho ai.

Tại công văn số 1579/UBND ngày 09/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện K đề nghị TAND huyện K xem xét phần đất dôi dư này nếu đủ điều kiện thì giao cho hộ gia đình anh N sử dụng theo quy định tại điều 98 Luật Đất đai 2013.

Tại Bản tự khai và Biên bản đối chất ngày 19/5/2019, người làm chứng là ông Đỗ Như C1 xác nhận:

Ông Đỗ Như C1 là chủ sử dụng đầu tiên của thửa 579 tờ bản đồ số 01 xã V, huyện K. Năm 2002, ông C1 được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Đất với 1.500 m² đất tại thửa đất nêu trên. Kích thước các chiều cạnh cụ thể của thửa đất thì ông C1 không nhớ nhưng phần đất ông C1 được Nhà nước cấp quyền sử dụng có cạnh phía Bắc thổ đất giáp một cái hũng (thùng đào) không nằm trong phần đất ông C1 được cấp quyền sử dụng. Ông C1 đã trồng một hàng hóp làm ranh giới giữa cái hũng và đất nhà ông C1. Thực tế cái hũng đó do nhà ông B sử dụng làm nơi thả rau muống, còn Nhà nước giao quyền sử dụng cái hũng đó cho ai thì ông C1 không biết.

Tại Biên bản lấy lời khai và đơn trình bày, người làm chứng là ông Phạm Văn

Đ xác nhận:

Năm 2002, ông Đ nhận chuyển nhượng 1.500m² đất của thửa 579 tờ bản đồ số 01 xã V, huyện K từ ông Đỗ Như C1. Năm 2004, ông Đ chuyển nhượng lại cho vợ chồng anh N và chị L. Kích thước cụ thể thổ đất ông Đ không nhớ; ông Đ chỉ nhớ ranh giới phía Bắc của thổ đất ông Đ nhận chuyển nhượng giáp một cái hũng (thùng đào) không nằm trong phần đất ông Đ được ông C1 chuyển nhượng. Ranh giới giữa đất nhà ông Đ nhận chuyển nhượng từ ông C1 với cái hũng có hàng hóp chạy dọc từ Đông sang Tây do ông C1 trồng làm ranh giới không thẳng hàng. Cái hũng đó do ông B sử dụng làm nơi thả rau muống, còn Nhà nước giao quyền sử dụng cái hũng đó cho ai thì ông Đ không biết.

Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 16/7/2019, ông Triệu Văn H1 trình bày:

Năm 2012, ông Triệu Văn H1 là công chức địa chính xã V đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ ông Đ sang hộ anh N theo quy định của pháp luật. Khi làm thủ tục chuyển nhượng ông H1 không xuống thực địa đo đạc, chỉ căn cứ vào bản đồ tính tỷ lệ để vẽ sơ đồ hình thể, kích thước diện tích đất chuyển nhượng. Ông H1 xác nhận có sai sót khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng giữa 2 hộ dẫn tới hình thể đất trong Hợp đồng chuyển nhượng không đúng với thực tế hình thể, kích thước thửa đất chuyển nhượng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K quyết định:

Căn cứ vào các Điều 105, Điều 106, Khoản 1, Điều 203 Luật đất đai; Điều 175, 176 BLDS 2015; Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 86 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn N đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm và đòi bồi thường thiệt hại do không được sử dụng đất bị lấn chiếm đối với anh Hoàng Văn Q.

2. Giữ nguyên hiện trạng đất đang sử dụng như hiện nay (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, điều kiện thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, anh Vũ Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện K với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử cho anh N theo đúng diện tích đất là 1.500m² và hình thể thửa đất như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

BL706617, thửa 579 tờ bản đồ số 01 xã V, huyện K do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 21/01/2013 mang tên Vũ Văn N, Mai Thị L.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 26/11/2019, nguyên đơn có kháng cáo là anh Vũ Văn N có đơn xin rút đơn khởi kiện và rút toàn bộ đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N vẫn giữ nguyên quan điểm rút đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là anh Hoàng Văn Q không đồng ý về việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 điều 308 và khoản 2 điều 148 BLTTDS và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Văn N,
2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện K. Tại mục 2 của phần Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên: *“Giữ nguyên hiện trạng đất đang sử dụng như hiện nay (có sơ đồ kèm theo)”* là không đúng quy định. Do đó, cần bỏ mục 2 nêu trên, đồng thời đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét đính chính lại GCNQSDĐ đã cấp cho hộ anh Vũ Văn N và Chị Mai Thị L về phần hình thể thửa đất cho phù hợp với diện tích được chuyển nhượng và thực tế sử dụng.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm giữ nguyên theo quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện K.
Án phí dân sự phúc thẩm anh N không phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 26/11/2019, nguyên đơn có kháng cáo là anh Vũ Văn N có đơn xin rút đơn khởi kiện và rút toàn bộ đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là anh Hoàng Văn Q không đồng ý về việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn nên việc xét xử phúc thẩm được thực hiện theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử cho nguyên đơn theo đúng diện tích đất là 1.500 m² và hình thể thửa đất như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL706617, thửa 579 tờ bản đồ số 01 xã V, huyện K do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 21/01/2013 mang tên Vũ Văn N, Mai Thị L.

[2.1] Thửa đất 579, tờ bản đồ số 1 xã V, huyện K có nguồn gốc của gia đình ông Đỗ Như C1. Năm 2002 ông C1 được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 1.500 m². Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C1 chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Đ toàn bộ thửa đất nói trên. Năm 2004, ông Đ chuyển nhượng cho gia đình anh Vũ Văn N và Chị Mai Thị L toàn bộ thửa đất với diện tích là 1.500 m². Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập bằng giấy viết tay giữa các bên chuyển nhượng. Ranh giới tứ cận các bên đều không xác định cụ thể khi chuyển giao quyền sử dụng đất các chủ sử dụng đất đều sử dụng theo ranh giới mà chủ sử dụng đất cũ là ông C1 đã xác lập khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Các chủ sử dụng đất cũ là ông C1 và ông Đ đều xác nhận ranh giới phía Bắc giáp cái hũng (thùng đào). Diện tích đất thùng đào này không nằm trong diện tích mà các bên chuyển nhượng cho nhau. Các chủ sử dụng thửa đất này đều không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất thùng đào.

[2.2] Năm 2012, Nhà nước có chủ trương đo đạc để chỉnh lý bản đồ địa chính tại phiếu đo đạc anh N ký xác nhận thửa đất anh N đang sử dụng có kích thước Phía Bắc giáp đường đi chung dài 31,5 m; phía Đông giáp thửa đất nhà ông H, bà M dài 47,6 m; phía Nam giáp ruộng lúa dài 31,5 m; phía Tây giáp ruộng lúa dài 47.6 m. Diện tích đất thùng đào được anh N kê khai là đất nuôi trồng thủy sản.

[2.3] Năm 2013, gia đình anh Vũ Văn N và Chị Mai Thị L làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cán bộ địa chính xã V đã hướng dẫn lập 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 1.500 m² đất và lập sơ đồ phác họa thửa đất có kích thước: Phía Bắc giáp đường đi chung dài 31,5 m; phía Đông giáp thửa đất nhà ông H, bà M dài 47,6 m; phía Nam giáp ruộng lúa dài 31,5 m; phía Tây giáp ruộng lúa dài 47.6 m. Diện tích đất phác họa bao gồm cả đất thùng đào phía Bắc thửa đất.

[2.4] Tháng 6 năm 2013, anh N cải tạo ao phía N hút cát lấp phần đất thùng đào thì phát sinh tranh chấp với gia đình anh Q. Vào thời điểm đó anh Q đang sử dụng phần đất thùng đào để trồng cây và nuôi trồng thủy sản.

[2.5] Phần đất tranh chấp được xác định là diện tích đất thùng đào có ranh giới phía Nam giáp đất nhà anh N đang sử dụng là cụm tre, cụm hóp, cây si do anh Q trồng. Theo sơ đồ thẩm định tại chỗ được các bên xác định có diện tích là 208,4m². Ông C1 và ông Đ đều xác định khi sử dụng thửa đất 579 các ông đều chứng kiến ông B là người sử dụng đất thùng đào để trồng rau muống. Ông B xác định ông B là người sử dụng đất

thùng đào từ trước năm 1965. Sau đó ông B cho các con ông là anh Q, anh C sử dụng. Ông B, anh Q, anh C đều không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất này. Ủy ban nhân dân xã V, huyện K xác định diện tích đất thùng đào chưa giao cho ai sử dụng mà do UBND xã V quản lý. Cán bộ địa chính xã V thời kỳ 2003 - 2014 là ông Triệu Văn H1 khẳng định sai sót khi vẽ sơ đồ đã vẽ cả phần đất do UBND xã V quản lý vào thửa đất 579 tờ bản đồ số 1 xã V, huyện K.

[2.6] Từ những nhận định trên khẳng định diện tích là 208,4m² không nằm trong diện tích thửa đất số 579 tờ bản đồ số 1 xã V, huyện K mà anh N nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Văn Đ nên anh N không có quyền sử dụng phần diện tích đất này. Ông B, anh Q, anh C không kê khai đăng ký, không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng thửa đất này. Do đó, diện tích đất này thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã V theo quy định tại Điều 103 Luật đất đai năm 2003 (nay là khoản 1 Điều 164 Luật đất đai năm 2013). Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N là có căn cứ. Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2.7] Việc chuyển nhượng thửa đất 579, tờ bản đồ số 1 xã V, huyện K giữa gia đình ông Đ và gia đình anh N, chị L được thực hiện năm 2004 nên theo quy định tại Điều 127 Luật đất đai năm 2003, trách nhiệm thẩm tra hồ sơ địa chính, số liệu địa chính thuộc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có thẩm quyền. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhưng lại tuyên ở mục 2 phần Quyết định “*Giữ nguyên hiện trạng đất đang sử dụng như hiện nay (có sơ đồ kèm theo)*” là không đúng quy định của pháp luật cần sửa bản án sơ thẩm bỏ mục này để cơ quan Nhà nước thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

[3] Án phí phúc thẩm:

Do bản án bị sửa nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 103, Điều 127 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 4, Điều 5, Điều 100, Điều 164 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 688, 691, 697, 698, 699, 701, 702 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện K cụ thể như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn N đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm và đòi bồi thường thiệt hại do không được sử dụng đất bị lấn chiếm đối với anh Hoàng Văn Q.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Văn N phải nộp 975.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp là 1.120.000 đồng theo các biên lai số AA/2013/0002951 và số AA/2013/0002952 ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trả lại cho anh N số tiền 145.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

3. Những phần bản án không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh N không phải chịu. Hoàn trả cho anh N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2013/0003130 ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (29/11/2019).

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Hà nội;
- Phòng KTNV-THA;
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình;
- Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Huy Lương

